

Số: 100/2024/QĐST-DS

Thành phố B, ngày 21 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 11/10/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 126/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

+ Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Mộng T**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số I, khu phố B, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị P**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số F, Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền của bà T.

+ Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn R**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Loan T1**, sinh năm 1997. Địa chỉ: A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền của ông R.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Bùi Thị B**, sinh năm: 1958.

- Ông **Nguyễn Văn R1**, sinh năm: 1951.

- Bà **Nguyễn Thị Hoa S**, sinh năm: 1980.

- Bà **Trần Phương V**, sinh năm: 2002.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng số 416, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C ngày 04/02/2021 giữa ông

Nguyễn Văn R với bà Trương Thị Mộng T đối với thửa đất số 319, tờ bản đồ số 07, diện tích 690,9m<sup>2</sup>, loại đất cây lâu năm tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2.2. Hậu quả của việc huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên: Ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Thùy D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Mộng T số tiền là 1.250.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà T nếu ông R, bà D chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2.3. Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Bùi Thị B, ông Nguyễn Văn R1, bà Nguyễn Thị Hoa S, bà Trần Phương V thống nhất giao cho ông Nguyễn Văn R trọn quyền quản lý, sử dụng và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

2.4. Ông Nguyễn Văn R được trọn quyền quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất, nhà và công trình kiến trúc, cây trồng trên đất theo đo đạc thực tế, ký hiệu hồ sơ đo đạc ngày 22/8/2024 thuộc thửa 319A, tờ bản đồ số 07, diện tích 682,2m<sup>2</sup> (loại đất trồng cây lâu năm) tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Ông R có quyền liên hệ với Cơ quan quản lý hành chính về đất đai có thẩm quyền để đăng ký, kê khai và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị Cơ quan quản lý hành chính về đất đai có thẩm quyền thu hồi, điều chỉnh lại Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 098687, số vào sổ cấp GCN: CS10837 đối với thửa đất số 319, tờ bản đồ số 07, diện tích 690,9m<sup>2</sup> (loại đất trồng cây lâu năm) tại xã M, thành phố B đã cấp cho bà Trương Thị Mộng T đứng tên quyền sử dụng đất ngày 24/6/2021 trả lại cho ông Nguyễn Văn R đứng tên quyền sử dụng đất.

*(Phần đất có thể hiện theo hồ sơ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 22/8/2024 kèm theo)*

2.5. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Thùy D tự nguyện liên đới chịu chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi phí đo đạc, định giá là: 11.991.800 đồng. Do bà Trương Thị Mộng T đã nộp tạm ứng số tiền trên nên ông R và bà D có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà T số tiền là 11.991.800 đồng (*Mười một triệu chín trăm chín mươi một nghìn tám trăm đồng*).

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Thùy D tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 24.750.000 đồng (*hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Bà Trương Thị Mộng T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Do bà T đã nộp số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004384 ngày 09/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre nên được khấu trừ. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thúy Hằng**